

Bản án số: 114/2026/DS-ST
Ngày: 30/6/2026
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Ngọc Trinh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Thành Tam

Bà Hà Hồng Mến

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Bích Trâm – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2-Vĩnh Long.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 2-Vĩnh Long: bà Trần Thị Hồng Gấm, kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 6 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2-Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2026/TLST-DS ngày 21 tháng 01 năm 2026, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 156/2026/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị **Mai Thị Vân T**, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số E, khóm H, phường P, tỉnh Vĩnh Long

Người đại diện theo ủy quyền của chị T: anh **Đinh Đức T1**, sinh năm 1994; địa chỉ: Số B, đường A, phường T, tỉnh Vĩnh Long (xin vắng mặt)

- Bị đơn: anh **Đào Thanh Đ**, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã N, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/12/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có anh Đinh Đức T1 trình bày:

Chị Mai Thị Vân T và anh Đào Thanh Đ là chỗ quen biết nên chị T có cho anh Đ vay tiền, cụ thể như sau:

+ Lần 1: Vào ngày 08/4/2024 anh Đào Thanh Đ trực tiếp đến nhà chị Mai Thị Vân T để hỏi vay số tiền là 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng), hai bên thỏa thuận lãi suất là 1,66%/tháng, thời hạn vay 30 ngày, mục đích vay để mua nhà đất.

+ Lần 2: Vào ngày 19/8/2024 anh Đào Thanh Đ trực tiếp hỏi vay chị Mai Thị Vân T số tiền là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng), thỏa thuận lãi suất là 1,66%/tháng, thời hạn vay 30 ngày, mục đích vay để mua nhà.

+ Lần 3: Vào ngày 10/9/2024 anh Đào Thanh Đ trực tiếp hỏi vay chị Mai Thị Vân T số tiền là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng), thỏa thuận lãi suất là 1,66%/tháng, thời hạn vay 30 ngày, mục đích vay để mua nhà.

Cả ba lần chị T cho anh Đ vay tiền đều không có tài sản bảo đảm, không có người thứ ba bảo lãnh khoản vay, không có ai ký người làm chứng. Chị T giao đủ tiền mặt cho anh Đ tại văn phòng công chứng Nguyễn Thị Ngọc D, có công chứng viên chứng kiến việc giao tiền, các bên cũng không có làm biên nhận giao tiền riêng.

Đến hạn trả nợ anh Đ không trả lãi cũng không trả tiền gốc. Chị T có đến nhà tìm nhưng không gặp được anh Đ và nhiều lần liên hệ qua điện thoại yêu cầu anh Đ đóng tiền lãi cũng như trả tiền gốc thì anh Đ chỉ hứa hẹn, trì hoãn mà không trả tiền. Qua ba lần cho anh Đ vay tiền do quá tin tưởng chỗ quen biết làm ăn với nhau nhưng anh Đ nhiều lần thất tín, tránh né không trả tiền làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị T.

Nay chị Mai Thị Vân T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc cá nhân anh Đào Thanh Đ trả số tiền nợ cụ thể như sau:

+ Số tiền gốc 1.000.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 09/4/2024 đến ngày 09/4/2026 là 398.400.000 đồng với mức lãi suất là 1,66%/tháng (cụ thể: $1.000.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 24 \text{ tháng} = 398.400.000 \text{ đồng}$).

+ Số tiền gốc 500.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 20/8/2024 đến ngày 20/4/2026 là 166.000.000 đồng với mức lãi suất là 1,66%/tháng (cụ thể: $500.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 20 \text{ tháng} = 166.000.000 \text{ đồng}$).

+ Số tiền gốc 1.000.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 10/10/2024 đến ngày 10/4/2026 là 298.800.000 đồng với mức lãi suất là 1,66%/tháng (cụ thể: $1.000.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 18 \text{ tháng} = 298.800.000 \text{ đồng}$).

Tổng cộng ba khoản nợ chị T yêu cầu anh Đào Thanh Đ trả số tiền gốc và tiền lãi là 3.363.200.000 đồng. Đồng thời chị T yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi xét xử xong vụ án.

Tại bản tự khai ngày 26/6/2026, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Đào Thanh Đ trả chị T số tiền

2.981.400.000đ (hai tỷ chín trăm tám mươi một triệu bốn trăm nghìn đồng), trong đó: tiền nợ gốc là 2.500.000.000đ (hai tỷ năm trăm triệu đồng), lãi suất 481.400.000đ (bốn trăm tám mươi một triệu bốn trăm nghìn đồng), cụ thể:

+ Số tiền gốc 1.000.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 09/4/2024 đến ngày 09/6/2026 là 215.800.000 đồng với mức lãi suất là 0,83%/tháng (cụ thể: 1.000.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 26 tháng = 215.800.000 đồng).

+ Số tiền gốc 500.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 20/8/2024 đến ngày 20/6/2026 là 91.300.000 đồng với mức lãi suất là 0,83%/tháng (cụ thể: 500.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 22 tháng = 91.300.000 đồng).

+ Số tiền gốc 1.000.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 11/9/2024 đến ngày 11/6/2026 là 174.300.000 đồng với mức lãi suất là 0,83%/tháng (cụ thể: 1.000.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 21 tháng = 174.300.000 đồng).

Về phía bị đơn anh Đào Thanh Đ được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và xét xử nhưng anh Đ vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn gửi cho Tòa án.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Đinh Đức T1 xin vắng mặt và anh Đào Thanh Đ vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Vụ án thụ lý đúng thẩm quyền loại việc theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng về việc thu thập chứng cứ và hòa giải. Hội đồng xét xử đã tiến hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ Luật Dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Mai Thị Vân T

Buộc anh Đào Thanh Đ trả cho chị Mai Thị Vân T số tiền gốc là 2.500.000.000 đồng và số tiền lãi là 481.400.000 đồng. Tổng số tiền là 2.981.400.000 đồng.

Về án phí: Buộc anh Đào Thanh Đ nộp 91.628.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện, lời trình bày của đương sự. Xác định đây là vụ án dân sự về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã N, tỉnh Vĩnh Long nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2-Vĩnh Long theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin vắng mặt, bị đơn anh Đào Thanh Đ được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án:

- Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Mai Thị Vân T yêu cầu anh Đào Thanh Đ trả số nợ gốc 2.500.000.000đ (hai tỷ năm trăm triệu đồng)

Nguyên đơn chị Mai Thị Vân T cho rằng năm 2024 đã cho anh Đào Thanh Đ vay 03 lần tiền tổng cộng là 2.500.000.000 đồng, thời hạn vay mỗi đợt là 30 ngày nhưng đến nay anh Đ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho chị T dù chị T có nhiều lần nhắc nhở nhưng anh Đ cứ hứa hẹn và trì hoãn việc trả nợ nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Đ trả chị T số nợ gốc 2.500.000.000 đồng.

Xét thấy, phía anh Đào Thanh Đ được Tòa án thông báo thụ lý vụ án nhưng không có văn bản trả lời và vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ kèm theo để giải quyết vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án, chị T có cung cấp cho Tòa án 03 Hợp đồng vay tiền giữa chị Mai Thị Vân T và anh Đào Thanh Đ có chữ ký của chị T và anh Đ, hợp đồng được công chứng tại Văn phòng C, cụ thể:

+ Hợp đồng ngày 08/4/2024 thể hiện chị T cho anh Đ vay số tiền 1.000.000.000đ (một tỷ đồng), thời hạn vay 30 ngày, lãi suất hai bên tự thỏa thuận.

+ Hợp đồng ngày 19/8/2024 thể hiện chị T cho anh Đ vay số tiền 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng), thời hạn vay 01 (một) tháng, lãi suất hai bên tự thỏa thuận.

+ Hợp đồng ngày 10/9/2024 thể hiện chị T cho anh Đ vay số tiền 1.000.000.000đ (một tỷ đồng), thời hạn vay 01 (một) tháng, lãi suất hai bên tự thỏa thuận.

Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định có cơ sở chứng minh có sự việc chị Mai Thị Vân T cho anh Đào Thanh Đ vay 03 lần tiền với tổng số tiền vay là 2.500.000.000đ (hai tỷ năm trăm triệu đồng) nên chị T khởi kiện yêu cầu anh Đ trả lại chị T số tiền vay gốc 2.500.000.000đ (hai tỷ năm trăm triệu đồng) là có cơ sở chấp nhận.

- Xét yêu cầu tính lãi suất của chị Mai Thị Vân T

Tại bản tự khai ngày 26/6/2026, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Mai Thị Vân T yêu cầu tính lãi suất đối với số nợ gốc mà anh Đ thiếu chị T, cụ thể:

+ Số tiền gốc 1.000.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 09/4/2024 đến ngày 09/6/2026: $1.000.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 26 \text{ tháng} = 215.800.000 \text{ đồng}$.

+ Số tiền gốc 500.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 20/8/2024 đến ngày 20/6/2026: $500.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 22 \text{ tháng} = 91.300.000 \text{ đồng}$.

+ Số tiền gốc 1.000.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 11/9/2024 đến ngày 11/6/2026 là 174.300.000: $1.000.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 21 \text{ tháng} = 174.300.000 \text{ đồng}$.

Xét thấy anh Đào Thanh Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, chị T yêu cầu tính lãi suất trên số nợ gốc anh Đ còn thiếu chị T với lãi suất 0,83%/tháng là phù hợp nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu tính lãi suất của chị T.

Như vậy, tổng số tiền mà anh Đ phải trả cho chị T là 2.981.400.000đ (hai tỷ chín trăm tám mươi một triệu bốn trăm nghìn đồng), trong đó: tiền nợ gốc là 2.500.000.000đ (hai tỷ năm trăm triệu đồng), lãi suất 481.400.000đ (bốn trăm tám mươi một triệu bốn trăm nghìn đồng).

- Xét việc vắng mặt của anh Đào Thanh Đ trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa:

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Đào Thanh Đ về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, anh Đ không có ý kiến trình bày bằng văn bản gửi cho Tòa án, không đến tham gia phiên hòa giải và cũng tham gia phiên tòa. Vì vậy, Tòa án không có căn cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Đ và anh Đ phải chịu hậu quả pháp lý về việc không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình trong vụ án.

[4] Về án phí: áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị Vân T nên chị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc anh Đào Thanh Đ phải chịu 91.628.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2, Vĩnh Long phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ 280, Điều 463; Điều 466; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 5; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 207; điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị Vân T.

Buộc anh Đào Thanh Đ có nghĩa vụ trả cho chị Mai Thị Vân T số tiền 2.981.400.000đ (hai tỷ chín trăm tám mươi một triệu bốn trăm nghìn đồng), trong đó: tiền nợ gốc là 2.500.000.000đ (hai tỷ năm trăm triệu đồng), lãi suất 481.400.000đ (bốn trăm tám mươi một triệu bốn trăm nghìn đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Mai Thị Vân T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả chị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 47.889.000đ (bốn mươi bảy triệu tám trăm tám mươi chín nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0000765 ngày 12/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Buộc anh Đào Thanh Đ phải chịu 91.628.000đ (chín mươi một triệu sáu trăm hai mươi tám nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long: 01b;
- VKSND KV2-VL: 02b;
- Phòng THADS KV2-VL: 01b;
- Dương sự: 03b;
- Lưu: 04b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Ngọc Trinh

